| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7-LÀO CAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 23 /2025/HNGĐ – ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2025.
" V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Hoàng Duy Chiến.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Vũ Minh Huấn;
2. Ông Sùng A Cở;

***- Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 -Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai tham gia phiên toà***: Ông Nông Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025; Giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Tẩn Tả M, sinh ngày 03/7/1994;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai.
Chỗ ở hiện nay: Thôn Tr, xã B, tỉnh Lào Cai.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.
*2. Bị đơn*: Anh Liềng A S, sinh ngày 18/02/1993.
Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 15/7/2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Tẩn Tả M trình bày:*

Chị và anh Liềng A S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2013, quyển số 01/2013, ngày 17/9/2013.

Sau khi kết hôn, anh, chị sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình có khuyên giải nhưng anh S không thay đổi, do không ai nói được ai nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh S sống theo kiểu bất cần, nhiều lần còn đe dọa giết chị và các con. Vì lý do như vậy nên chị đã mang hai con về bên nhà bố mẹ đẻ để ở. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Liềng A S.

Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 02 người con chung, cháu thứ nhất Liềng A H, sinh ngày 26/10/2014 và cháu Liềng Thị Thu H, sinh ngày 22/7/2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai con đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Liềng A S không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 01/8/2025, bị đơn anh Liềng A S trình bày:*

Anh Liềng A S xác nhận anh và chị Tẩn Tả M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn đúng như chị M trình bày, sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh nghiện chất ma túy phải đi cai nghiện năm 2022, sau khi cai nghiện về thì anh cũng có đánh chửi chị, gia đình hai bên đã hòa giải và anh đã xin lỗi chị nhưng chị M không đồng ý, nay chị M xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 02 người con chung, cháu thứ nhất Liềng A H, sinh ngày 26/10/2014 và cháu Liềng Thị Thu Hg, sinh ngày 22/7/2018. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Tẩn Tả M không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này chị Tẩn Tả M có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, vì vậy vụ án này không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo quy định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực

hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 227, 228, 238, khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tẩn Tả M.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Tẩn Tả M ly hôn với anh Liềng A S.
- Về con chung: Giao cháu Liềng A H, sinh này 26/10/2014 và cháu Liềng Thị Thu H, sinh ngày 22/7/2018, cho chị Tẩn Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Liềng A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Liềng A S có địa chỉ tại thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân Khu vực 7- Lào Cai thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Chị Tẩn Tả M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Liềng A S vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tẩn Tả M và anh Liềng A S.

[2] Chị Tẩn Tả M và anh Liềng A S kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2013, quyển số 01/2013, ngày 17/9/2013 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày thì anh, chị sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình có khuyên giải nhưng anh Sin không thay đổi, do không ai nói được ai nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhiều lần còn đe dọa giết chị và các con. Vì lý do như vậy nên chị đã mang hai con về bên nhà bố mẹ đẻ để ở. Bản thân anh S năm 2023 đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, sau khi cai nghiện về vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, anh S cũng đã xin lỗi vợ nhưng

mâu thuẫn không khắc phục được. Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị là có thật. Nay chị M xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị M, không chấp nhận yêu cầu của anh S là xin đoàn tụ, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Tẩn Tả M được ly hôn anh Liềng A S.

[4] Về con: Trong quá trình chung sống anh, chị sinh được 02 người con chung, cháu thứ nhất Liềng A H, sinh ngày 26/10/2014 và cháu Liềng Thị Thu H, sinh ngày 22/7/2018. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy chị Tẩn Tả M là lao động tự do, thu nhập bình quân theo xác nhận của trưởng thôn nơi chị M cư trú từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ ngày, bản thân anh Liềng A S không đưa ra vấn đề để nuôi con, từ khi sống ly thân thì hai cháu vẫn ở với mẹ, mặt khác cả hai cháu Liềng A H và cháu Liềng Thị Thu H khi được hỏi ý kiến đều muốn ở với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tẩn Tả M, giao cả hai cháu cho chị Tẩn Tả M nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con:

Chị Tẩn Tả M không yêu cầu anh Liềng A S cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy yêu cầu của chị M là tự nguyện, vì vậy tạm thời anh Liềng A S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nuôi.

[6] Về tài sản: Chị Tẩn Tả M không yêu cầu Toà án giải quyết, trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị Tẩn Tả M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên***:**

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Tuyên xử:*

1. Xử cho chị Tẩn Tả M được ly hôn anh Liềng A S. Quan hệ hôn nhân của chị Tẩn Tả M và anh Liềng A S chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Chị Tẩn Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, cháu Liềng A H, sinh ngày 26/10/2014 và cháu Liềng Thị Thu H, sinh ngày 22/7/2018 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời anh Liềng A S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Liềng A S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tẩn Tả M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, phí lệ phí Tòa án số 0000263 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7-Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã B;
- THA DS khu vực 7 - Lào Cai;
- Lưu TA,VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hoàng Duy Chiến**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Duy Chiến**

*TP Hoàng Duy Chiến báo cáo vụ án HNGĐ*

*1.Nguyên đơn*: Chị Liềng A S, sinh ngày 09/10/2000;

Địa chỉ: Thôn Tả Phìn, xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là thôn Tả Phìn, xã Dền Sáng, tỉnh Lào Cai).

*2.Bị đơn*: Anh Liềng A S, sinh ngày 10/6/1996.

Địa chỉ: Thôn Tả Phìn, xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là thôn Tả Phìn, xã Dền Sáng, tỉnh Lào Cai).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị và anh Liềng A Svề ở với nhau như vợ chồng từ năm 2017. Đến ngày 18/9/2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là xã Dền Sáng, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 18/9/2020.

Sau khi đăng ký kết hôn, anh, chị sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lử ham chơi không tu chí làm ăn, không tập chung xây dựng kinh tế gia đình, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Lử không thay đổi, mặt khác anh Lử còn thường xuyên uống rượi, mỗi khi uống rượi về nhà là anh Lử gây sự, chửi mắng chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và không tôn trọng nhau, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Sín Chải, xã Dền Thàng để ở từ tháng 6/2023. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Liềng A S.

Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 02 con chung, cháu thứ nhất là Phàng Thị Cà, sinh ngày 28/10/2017 và cháu thứ hai Phàng A Dình, sinh ngày 04/01/2020, hiện cả hai cháu đang sống với anh Liềng A Stừ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại bản khai ngày 16/5/2025 chị đã thay đổi và đồng ý để con cho anh Liềng A Strực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, vì lý do chị thường xuyên đi làm xa nhà không có điều kiện chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con chị đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Liềng A Skhông nợ ai và không cho ai vay, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Liềng A S, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Lử, anh Lử đã được nghe đọc nội dung các văn bản tố tụng nhưng từ chối ký nhận văn bản, mặt khác khi Tòa án đến tống đạt các văn bản tố tụng thì anh Lử có lần vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã phải lập biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng và niêm yết theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Lử đã biết được nội dung chị Liềng A S khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nhưng không có văn bản trả lời và không nộp tài liệu, chứng cứ cho Toà án.

## QUAN ĐIỂM

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Tuyên xử:*

1. Xử cho chị Liềng A S được ly hôn anh Liềng A S. Quan hệ hôn nhân của chị Liềng A S và anh Liềng A Schấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Anh Liềng A Strực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phàng Thị Cà, sinh ngày 28/10/2017 và cháu Phàng A Dình, sinh ngày 04/01/2020 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Liềng A S phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho hai cháu Phàng Thị Cà, sinh ngày 28/10/2017 và cháu Phàng A Dình, sinh ngày 04/01/2020, mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Liềng A S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Liềng A S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.